

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 01 – 2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tử Lượng

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đinh Mạnh Huy và bà Nguyễn Thị Luyến

*- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc Liên - Thư ký Tòa án nhân dân
tỉnh Ninh Bình.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: ông
Phạm Văn Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét
xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02
năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ
án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 giữa các
đương sự:

1. *Nguyên đơn: chị Lâm Thị N sinh năm 1997; Quốc tịch: Việt Nam; địa
chỉ: đội A, thôn B, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình.*

2. *Bị đơn: anh Hoàng Kiến L sinh năm 1987; Quốc tịch: Trung Quốc; địa
chỉ: thôn G, thị trấn L, huyện Đ, thành phố H, tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc.*

Tại phiên tòa: chị Lâm Thị N vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;
anh Hoàng Kiến L vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 02 năm 2023 và trong quá trình giải
quyết vụ án, nguyên đơn chị Lâm Thị N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: chị Lâm Thị N và anh Hoàng Kiến L là vợ chồng

hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 13 tháng 02 năm 2018 tại Sở Nội vụ tỉnh H, Nước Cộng hòa Nhân dân T (Trung Quốc). Trước khi kết hôn, anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, chị N sinh sống tại gia đình anh L ở thôn G, thị trấn L, huyện Đ, thành phố H, tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc. Chị N và anh L chung sống không hạnh phúc; nguyên nhân là do bất đồng về ngôn ngữ, phong tục, lối sống và anh L thường xuyên đánh đập chị N. Khoảng tháng 7 năm 2022 chị N đã đưa cháu Hoàng Cẩn H là con chung của vợ chồng về sinh sống tại đội 1, thôn B, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình cho đến nay; còn anh L vẫn sinh sống tại Trung Quốc.

Hiện nay, chị N và anh L không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể duy trì hôn nhân nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Kiến L.

- Về con chung: chị Lâm Thị N và anh Hoàng Kiến L có một con chung là cháu Hoàng Cẩn H sinh ngày 14 tháng 12 năm 2018. Hiện tại, chị N đang nuôi dưỡng cháu H. Khi ly hôn, chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Cẩn H và không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Hoàng Kiến L phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: chị N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Hoàng Kiến L: sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc ủy thác tư pháp tổng đạt cho anh Hoàng Kiến L: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập đến phiên tòa. Tuy nhiên, cho đến khi xét xử Tòa án không nhận được thông báo kết quả tổng đạt văn bản tố tụng cho anh L và anh L không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến, lời khai của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

Tại Biên bản làm việc ngày 13/9/2023 Ủy ban nhân dân xã N cung cấp: chị Lâm Thị N sinh ngày 25/3/1997 đang cư trú tại thôn B, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Ngày 03/01/2018 Ủy ban nhân dân xã N có giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của chị Lâm Thị N. Sau đó, chị N kết hôn với anh Hoàng Kiến L sinh năm 1987, quốc tịch Trung Quốc và chung sống với chồng tại Trung Quốc nên Ủy ban không biết quá trình chung sống, mâu thuẫn, tranh chấp giữa chị N với anh L. Khoảng tháng 7 năm 2022 chị N đưa con về sống cùng bố mẹ đẻ của chị N tại thôn B, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Hiện tại, chị N đang làm nông nghiệp tại địa phương và có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dạy con chưa thành

niên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 123, 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 464, khoản 2 Điều 474, Điều 469, Điều 470, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lâm Thị N. Giải quyết cho chị Lâm Thị N và anh Hoàng Kiến L ly hôn.

- Về con chung: giao cháu Hoàng Cấn H sinh ngày 14 tháng 12 năm 2018 cho chị Lâm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Kiến L có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

- Về án phí sơ thẩm: chị Lâm Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:*

Nguyên đơn chị Lâm Thị N là công dân Việt Nam, đang thường trú tại xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Bị đơn anh Hoàng Kiến L là người nước ngoài, không thường trú tại Việt Nam. Căn cứ vào Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật tố tụng dân sự, đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lâm Thị N thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lâm Thị N vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Hoàng Kiến L vắng mặt không có lý do. Tòa án đã thực hiện việc ủy thác tư pháp tổng đạt cho anh Hoàng Kiến L các văn bản tố tụng của Tòa án theo Công ước La Hay năm 1965 về tổng đạt ra nước ngoài giấy

tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại; Điều 474 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 11 và Điều 13 Luật tương trợ tư pháp. Tuy nhiên, cho đến khi xét xử Tòa án không nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền về kết quả thực hiện việc tổng đạt văn bản tố tụng cho anh L và không nhận được văn bản ghi ý kiến của anh L đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, điểm c khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lâm Thị N và bị đơn anh Hoàng Kiến L.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] Đối với yêu cầu ly hôn: chị Lâm Thị N và anh Hoàng Kiến L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Sở Nội vụ tỉnh H, Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ngày 13 tháng 02 năm 2018. Do đó quan hệ hôn nhân của chị N và anh L là hợp pháp, được pháp luật Việt Nam công nhận và bảo vệ.

Trong thời kỳ hôn nhân chị N và anh L chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do bất đồng về ngôn ngữ, phong tục, lối sống. Từ tháng 7 năm 2022 cho đến nay chị N và anh L đã sống ly thân mỗi người ở một nơi và không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng chị N và anh L là trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được và đã vi phạm quyền, nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện, giải quyết cho chị N được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: chị Lâm Thị N và anh Hoàng Kiến L có một con chung là cháu Hoàng Cấn H sinh ngày 14 tháng 12 năm 2018, đang chung sống cùng chị N. Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Cấn H.

Xét thấy chị N đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H và có đầy đủ điều kiện nuôi con; anh L không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị N. Do đó giao cháu Hoàng Cấn H cho chị Lâm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên khi cha mẹ ly hôn nhưng chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con. Do đó, trong vụ án này

Tòa án không giải quyết, quyết định về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh L.

[2.3] *Về tài sản chung*: các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí sơ thẩm*: chị Lâm Thị N phải chịu tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] *Về quyền kháng cáo*: các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 37, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273, Điều 464, Điều 469, Điều 470, Điều 477, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 2, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 121, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp toàn bộ nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị N cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: giải quyết cho chị Lâm Thị N ly hôn với anh Hoàng Kiến L.

1.2. Về con chung: giao cháu Hoàng Cẩn H sinh ngày 14 tháng 12 năm 2018 cho chị Lâm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Anh Hoàng Kiến L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí sơ thẩm: chị Lâm Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/20021/0000054 ngày 14/02/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình; chị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn chị Lâm Thị N được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong

thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án. Bị đơn anh Hoàng Kiến L được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày tuyên án (09/01/2024).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- TANDCC tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Ninh Bình;
- Phòng KTNV-THA;
- UBND xã Ninh Giang;
- Lưu hồ sơ,VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tử Lượng

